

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 26 - 4 - 2021
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 315/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Cụm 4, xã HH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Gia T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Cụm 4, xã HH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Gia T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, ngày 24/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mãi chơi, không quan tâm đến vợ con,

không chịu chung sức làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Nhiều lần chị góp ý thì anh T đánh đập chị, đập phá đồ đạc, bắt chị làm đơn xin ly hôn. Đến tháng 12 năm 2019 chị thấy không thể ở cùng anh T được nữa nên phải ra ngoài thuê nhà sống. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Phạm Thị Cẩm L, sinh ngày 04/02/2009, cháu Phạm Thị Phương L1, sinh ngày 07/12/2012. Do chị không có chỗ ở ổn định, phải đi thuê nhà, công việc đi làm thuê không đều, thu nhập chỉ được khoảng 2 triệu một tháng, vì vậy chị không thể nuôi cả hai con. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu L1 và để anh T nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, Tòa án đã thông báo cho anh T biết các yêu cầu khởi kiện của chị Th. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập để anh T đến Tòa án trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt.

Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh T để làm việc và đã gặp được ông Phạm Gia T1, anh trai của anh T. Ông T1 cho biết, ông sống ngay cạnh nhà của anh T và chị Th. Quá trình anh T và chị Th chung sống, ông biết giữa anh chị có nhiều mâu thuẫn. Là anh trai lớn trong gia đình nên ông cũng đã có lời khuyên với chị Th cố gắng chung sống với anh T nhưng không được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị Th theo quy định của pháp luật.

Tòa án cũng trao đổi với Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện ĐP về nội dung liên quan đến quyền nuôi dưỡng hai cháu Phạm Thị Cẩm L và Phạm Thị Phương L1. Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện ĐP có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét và quyết định để đảm bảo cho các cháu có một cuộc sống ổn định và được chăm sóc tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu.

Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn anh T. Về con chung: Chị Th xin nuôi cháu Phạm Thị Phương L1 và để anh T nuôi cháu Phạm Thị Cẩm L. Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn giữa chị Th với anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị cho chị Th ly hôn anh T. Về con chung: giao chị Th nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Phương L1, giao anh T nuôi cháu Phạm Thị Cẩm L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn, quyền nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Gia T. Anh T có địa chỉ tại xã HH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện ĐP đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Gia T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng không về ở được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th kiên quyết xin ly hôn, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về các phiên hòa giải nhưng không đến để Tòa án hòa giải, hàn gắn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là cháu Phạm Thị Cẩm L, sinh ngày 04/02/2009, cháu Phạm Thị Phương L1, sinh ngày 07/12/2012.

Nhận thấy, cả chị Th và anh T đều là người lao động tự do, thu nhập không ổn định. Tuy nhiên, hiện nay chị Th phải đi thuê nhà để ở còn anh Thường có chỗ ở ổn định tại nhà riêng. Vì vậy, mặc dù hai cháu Cẩm L và Phương L1 đang ở cùng chị Th nhưng để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về lâu dài cũng như nâng cao trách nhiệm chung của cha mẹ với con cái nên giao cho chị Th và anh T mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng một con là phù hợp. Xét chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Thị Phương L1 và để anh Thường nuôi cháu Phạm Thị Cẩm L, quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã ghi ý kiến của cháu L, cháu L có nguyện vọng muốn ở với bố để mẹ đỡ vất vả. Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L1 cho chị Th nuôi và giao cháu L cho anh T nuôi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh T và chị Th cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Do chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Gia T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương L1, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Th nuôi, giao cháu Phạm Thị Cẩm L, sinh ngày 04/02/2009 cho anh Phạm Gia T nuôi cho đến khi cháu L, cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014712 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP,
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP,
TP. Hà Nội;
- UBND xã HH, huyện
ĐP, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

